SAO Y; Ủy ban nhân dân huyện Cư Jút; Thời gian ký: 13/07/2023 08:19:09 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ JÚT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 271 /BC-UBND	*Cư Jút, ngày 10 tháng 7 năm 2023*

BÁO CÁO
Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Ủy ban nhân dân huyện công khai số liệu *(chi tiết tại các biểu số 93/CK-NSNN, 94/CK-NSNN, 95/CK-NSNN đính kèm)* và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2022, cụ thể như sau:

I. Thu Ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn

Tổng thu NSNN trên địa bàn thực hiện năm 2022 là 386.550 triệu đồng, đạt 119% dự toán tỉnh giao, 104% dự toán địa phương và giảm 8% so với thực hiện cùng kỳ năm trước *(Chi tiết như Biểu số 94/CK-NSNN)*.

1. Thu nội địa 386.550 triệu đồng, đạt 119% dự toán tỉnh giao, 104% dự toán địa phương và giảm 8% so với cùng kỳ năm 2021.

- Một số khoản thu đạt và vượt dự toán như: Thuế giá trị gia tăng khu vực doanh nghiệp nhà nước do trung ương quản lý đạt 109% dự toán tỉnh và huyện giao; Thuế tài nguyên khu vực doanh nghiệp nhà nước do trung ương quản lý đạt 131% dự toán tỉnh và huyện giao; Thuế giá trị gia tăng khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý đạt 124% dự toán tỉnh và huyện giao; Thuế thu nhập doanh nghiệp khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý đạt 166% dự toán tỉnh và huyện giao; Thuế giá trị gia tăng khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đạt 146% dự toán tỉnh và huyện giao; Thuế thu nhập doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đạt 248% dự toán tỉnh và huyện giao; Thuế tiêu thụ đặc biệt khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đạt 127% dự toán tỉnh và huyện giao; Thuế tài nguyên khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đạt 143% dự toán tỉnh và huyện giao; Lệ phí trước bạ đạt 172% dự toán tỉnh và huyện giao; Thuế thu nhập cá nhân đạt 183% dự toán tỉnh và huyện giao; Phí, lệ phí đạt 129% dự toán tỉnh và huyện giao, Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 102% dự toán tỉnh và huyện giao.

- Một số khoản thu chưa đạt dự toán như: Thuế giá trị gia tăng khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 8% dự toán tỉnh và huyện giao; Thuế thu nhập doanh nghiệp khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 6% dự toán tỉnh và huyện giao; Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước đạt 16% dự toán tỉnh giao và huyện giao.

- Thu tiền sử dụng đất: thực hiện 19.267 triệu đồng, đạt 64% dự toán tỉnh giao, đạt 25% dự toán huyện giao.

- Thu khác ngân sách: thực hiện 4.641 triệu đồng đạt 111% dự toán tỉnh giao, đạt 111% dự toán huyện giao.

2. Thu huy động đóng góp: 5.470 triệu đồng, tăng 79% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

III. Chi ngân sách địa phương (NSĐP):

Tổng chi NSĐP thực hiện năm 2022 là 590.382 triệu đồng, đạt 115% dự toán, tăng 6% so với cùng kỳ năm trước *(Chi tiết như Biểu số 95/CK-NSNN)*. Trong đó:

1. Chi Đầu tư XDCB (không bao gồm chi chương trình mục tiêu nhiệm vụ) thực hiện 61.227 triệu đồng, đạt 65% dự toán HĐND huyện giao.

2. Chi thường xuyên (không bao gồm chi chương trình mục tiêu nhiệm vụ): thực hiện 386.293 triệu đồng, đạt 79% dự toán HĐND huyện giao.

Một số lĩnh vực chi chủ yếu như sau:

- Chi sự nghiệp kinh tế đạt 71% dự toán.
- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo đạt 98% dự toán.
- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin đạt 83% dự toán.
- Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình đạt 94% dự toán.
- Chi sự nghiệp y tế, dân số, gia đình đạt 54% dự toán.
- Chi an ninh, quốc phòng đạt 195% dự toán.
- Chi hoạt động của các cơ quan QLNN, Đảng, đoàn thể đạt 109% DT.
- Chi đảm bảo xã hội đạt 145% dự toán.

3. Chi các chương trình mục tiêu nhiệm vụ: thực hiện 60.142 triệu đồng đạt 270% dự toán. Trong đó:

- Chi Chương trình mục tiêu quốc gia: 19.518 triệu đồng;
- Chi Chương trình mục tiêu nhiệm vụ ngân sách tỉnh bổ sung: 40.624 triệu đồng.

* Nhìn chung, Công tác quản lý chi ngân sách luôn được chú trọng, tăng cường, bảo đảm thực hiện tiết kiệm, chặt chẽ và hiệu quả, điều hành chi ngân sách bảo đảm phù hợp với khả năng thu ngân sách nhà nước, đáp ứng các nhiệm vụ chi ngân sách theo dự toán và tiến độ triển khai nhiệm vụ của đơn vị sử dụng ngân sách, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, hoạt động của bộ máy nhà nước và thực hiện chính sách an sinh xã hội, đảm bảo kinh phí phòng chống dịch bệnh. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư phát triển, thực hiện nghiêm quy định của Luật đầu tư công và các văn bản hướng dẫn quy định về quản lý vốn đầu tư, xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác.

Trên đây là nội dung công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2022 của huyện Cư Jút./.

Nơi nhận:
- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- CVP, các PCVP UBND huyện;
- Cơ quan, đơn vị, đoàn thể cấp huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- Trung tâm VHTT&TT huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Trang thông tin điện tử Phòng TC-KH;
- Lưu: VP HĐND&UBND huyện, TC-KH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Tú

UBND HUYỆN CƯ JÚT **Biểu mẫu số 93/CK-NSNN**

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 211 /BC-UBND, ngày 10/7/2023 của UBND huyện Cư Jút)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2022	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	**TỔNG NGUỒN THU NSĐP**	**513.510**	**595.849**	**116**	**100**
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**183.905**	**161.305**	**88**	**89**
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**329.605**	**395.062**	**120**	**107**
III	**Thu kết dư**		**17.150**		
IV	**Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên**		**1.116**		
V	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**		**15.746**		**2.676**
VI	**Thu huy động đóng góp**		**5.470**		
B	**TỔNG CHI NSĐP**	**513.510**	**590.382**	**115**	**106**
I	**Tổng chi cân đối NSĐP**	**491.210**	**450.471**	**92**	**89**
1	Chi đầu tư phát triển	94.240	61.227	65	**60**
2	Chi thường xuyên	389.183	386.293	99	**97**
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền ĐP vay				
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
5	Dự phòng ngân sách	7.787			
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
7	Chi nộp ngân sách cấp trên		2.951		
II	**Chi các chương trình mục tiêu**	**22.300**	**60.142**	**270**	**123**
1	**Chi các chương trình mục tiêu quốc gia**	**0**	**19.518**		**412**
	Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới	0	14.132		298
	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	0	2.475		
	Chương trình MTQG Phát triển KTXH vùng ĐBDTTS và MN	0	2.911		
2	**Chi các chương trình mục tiêu nhiệm vụ**	**22.300**	**40.624**	**182**	**92**
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**		**79.768**		**1.116**

UBND HUYỆN CƯ JÚT

Biểu mẫu số 94/CK-NSNN

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 271 /BC-UBND, ngày 10/7/2023 của UBND huyện Cư Jút)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2022	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**372.900**	**386.550**	**104**	**92**
I	**Thu nội địa**	**372.900**	**386.550**	**104**	**92**
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương, địa phương quản lý	98.660	126.536	128	120
	- Thuế giá trị gia tăng	37.700	41.002	109	108
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	160	5.610	3.507	117
	- Thuế tài nguyên	60.800	79.924	131	127
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	29.235	1.747	6	5
	- Thuế giá trị gia tăng	90	8	8	6
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.145	1.737	6	5
	- Thuế tài nguyên	-	2		92
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	96.670	149.568	155	111
	- Thuế giá trị gia tăng	67.690	98.541	146	102
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.205	22.867	248	153
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	150	190	127	144
	- Thuế tài nguyên	19.625	27.969	143	124
4	Thuế thu nhập cá nhân	19.460	35.697	183	135
5	Thuế bảo vệ môi trường	-	365		1123
6	Lệ phí trước bạ	14.000	24.063	172	164
7	Thu phí, lệ phí	3.880	5.016	129	116
-	*Phí và lệ phí trung ương*	*1.370*	*1.507*	110	87
-	*Phí và lệ phí tỉnh*	*480*	*1.064*	222	187
-	*Phí và lệ phí huyện,xã*	*2.030*	*2.445*	120	121
8	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	8		100
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	7		1002
10	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	18.300	2.885	16	381
11	Thu tiền sử dụng đất	77.500	19.267	25	23
12	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-			
13	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	-			
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	11.020	11.280	102	94
15	Thu khác ngân sách	4.175	4.641	111	166
	Trong đó	-			
-	*Thu khác NSTW*	*2.500*	*2.892*	116	184
-	*Thu khác ngân sách tỉnh*	*100*	*15*	15	18
-	*Thu khác ngân sách huyện, xã*	*1.575*	*1.735*	110	151
16	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
17	Thu hồi vốn, thu cổ tức				
18	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước				
19	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước				
20	Các khoản thu huy động đóng góp		5.470		179
B	**THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**183.905**	**161.305**	**88**	**89**
1	Từ các khoản thu phân chia	88.800	110.236	124	136
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	95.105	51.069	54	51

UBND HUYỆN CƯ JÚT

Biểu mẫu số 95/CK-NSNN

THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 271/BC-UBND, ngày 10/7/2023 của UBND huyện Cư Jút)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2022	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4
	TỔNG CHI NSĐP	**513.510**	**590.382**	**115**	**106**
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**	**491.210**	**450.471**	**92**	**89**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**94.240**	**61.227**	**65**	**60**
II	**Chi thường xuyên**	**389.183**	**386.293**	**99**	**97**
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	224.942	220.703	98	**102**
2	Chi khoa học và công nghệ	300	300	100	**160**
3	Chi an ninh quốc phòng	8.108	15.787	195	**95**
4	Chi y tế, dân số và gia đình	42.551	22.794	54	**1.319**
5	Chi văn hóa thông tin	2.884	2.399	83	**60**
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	2.216	2.084	94	**88**
7	Chi thể dục thể thao	352	1.980	563	**528**
8	Chi bảo vệ môi trường	4.555	4.786	105	**98**
9	Chi các hoạt động kinh tế	12.585	8.947	71	**19**
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	73.456	80.359	109	**95**
11	Chi bảo đảm xã hội	13.806	20.060	145	**151**
12	Chi thường xuyên khác	3.428	6.093	178	**90**
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**				
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**				
V	**Dự phòng ngân sách**	7.787			
VI	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**				
VII	**Chi nộp ngân sách cấp trên**		**2.951**		**81**
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**	**22.300**	**60.142**	**270**	**123**
I	**Chi các chương trình mục tiêu quốc gia**	-	**19.518**		**412**
-	Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới	-	14.132		298
-	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	-	2.475		
-	Chương trình MTQG Phát triển KTXH vùng ĐBDTTS và MN	-	2.911		
II	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**	**22.300**	**40.624**	**182**	**92**
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**		**79.768**		**1.116**
D	**Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua NSNN**				